

**Định tội danh với nhóm tội xâm phạm
sở hữu tại tỉnh Bình Định giai đoạn
2006 - 2010 : Luận văn ThS. Luật: 60
38 40./ Trần Thị Phuong ; Nghd. : TS.
Nguyễn Ngọc Chí**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
<i>Danh mục các biểu đồ</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI NHÓM TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT	8
1.1. Một số vấn đề chung về định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	8
1.1.1. Khái niệm định tội danh	8
1.1.2. Các đặc điểm cơ bản của việc định tội danh	11
1.1.3. Cơ sở pháp lý của hoạt động định tội danh	16
1.2. Đặc điểm các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	26
1.2.2. Các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	27
1.2.3. Các trường hợp phạm tội đặc biệt trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	33
1.3. Đặc điểm và yêu cầu định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	38
1.3.1. Đặc điểm định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	38
1.3.2. Yêu cầu của việc định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	48

Chương 2: THỰC TRẠNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TẠI BÌNH ĐỊNH	56
2.1. Thực tiễn định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Bình Định	56
2.2. Tỷ lệ vụ án được xét xử phúc thẩm	62
2.3. Tỷ lệ giám đốc thẩm, tái thẩm	64
2.4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	71
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI NHÓM TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH	78
3.1. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại Bình Định	78
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Bình Định	82
3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu	82
3.2.2. Nhóm giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ	84
3.2.3. Nhóm giải pháp về tổ chức cán bộ	87
3.2.4. Nhóm các giải pháp khác	88
KẾT LUẬN	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Định tội danh là hoạt động mang tính chất quyết định, xác định một người có tội hay không có tội. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật hình sự, cơ quan có thẩm quyền (Tòa án) sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội đó.

Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc định tội danh, đặc biệt là đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu. Ý thức được tầm quan trọng đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định không ngừng đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng xét xử. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít trường hợp áp dụng không đúng, chưa xem xét đầy đủ tính chất, mức độ phạm tội nên dẫn đến việc định tội danh thiếu chính xác, việc hủy án, sửa án vẫn còn tồn tại, phổ biến nhất là ở các tội xâm phạm sở hữu mang tính chất chiếm đoạt.

Với lý do nêu trên, chúng tôi chọn đề tài: ***"Định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Bình Định giai đoạn 2006- 2010"***.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Định tội danh được đề cập trong các công trình nghiên cứu như: *"Một số vấn đề lý luận chung về định tội danh"* của PGS. TS. Lê Cẩm; *"Định tội danh- lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành"*, Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn chủ biên; TS Nguyễn Ngọc Chí về *"Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu"*; Trịnh Quốc Toàn, *"Một số vấn đề lý luận về định tội danh và hướng dẫn phương pháp định tội danh"*; *"Yếu tố chức vụ, quyền hạn trong các tội xâm phạm sở hữu"*; *"Một số vấn đề đồng phạm trong các tội xâm phạm sở hữu"*; *"Vấn đề định tội danh trong các tội xâm phạm sở hữu"* - TS. Nguyễn Ngọc Chí, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11, 6, 2, 8- 1997; *"Tìm hiểu khái niệm và những đặc trưng cơ bản của tội phạm theo luật hình sự Việt Nam"* - TS. Đào Trí Úc, tạp chí Nhà nước và pháp luật số 6- 2001...Những bài nghiên cứu trên đã khái quát được một số vấn đề lý luận và thực tiễn định tội danh nói chung và định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu nói riêng.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu về vấn đề định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu mang tính chất chiếm đoạt tại địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này là phân tích khoa học để làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh nói chung và định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt nói riêng.

Theo đó nhiệm vụ của đề tài là làm rõ một số vấn đề sau:

- Khái niệm, đặc điểm của định tội danh.
- Cơ sở pháp lý, căn cứ pháp lý của việc định tội danh.
- Định tội danh trong một số trường hợp đặc biệt.
- Đặc điểm các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt.
- Đặc điểm và yêu cầu định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt.
- Thực trạng định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tại tỉnh Bình Định.
- Chỉ ra nguyên nhân của thực trạng và những giải pháp để nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Bình Định.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Về đối tượng nghiên cứu, đề tài tập trung nghiên cứu về thực tiễn định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại Tòa án tỉnh Bình Định trên cơ sở Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung ngày 19/6/2009 và những văn bản pháp luật có liên quan.

Về phạm vi nghiên cứu, căn cứ vào tính chất của hành vi khách quan, các tội xâm phạm sở hữu được chia làm 2 nhóm:

- + Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt được quy định từ Điều 133 đến Điều 140 Bộ luật hình sự.
- + Các tội xâm phạm sở hữu không mang tính chiếm đoạt được quy định từ Điều 141 đến Điều 145 Bộ luật hình sự.

Việc định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu là một vấn đề hết sức phức tạp và liên quan đến nhiều lĩnh vực. Căn cứ vào tình hình thực tế tại tỉnh Bình Định nên luận văn chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu về vấn đề định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, giai đoạn 2006 đến 2010.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, định hướng của Đảng về chính sách hình sự; quan điểm, đường lối xử lý các tội xâm phạm sở hữu nói chung và các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt nói riêng.

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Một số phương pháp cụ thể như: phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp số liệu dựa trên những bản án, quyết định, số liệu thống kê, báo cáo tổng kết của các cấp Tòa án. Phương pháp so sánh pháp luật để đối chiếu với các quy định của pháp luật với nhau nhằm tìm ra những điểm mới trong quá trình nghiên cứu.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

Trong công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, việc nghiên cứu đề làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh nói chung và định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu nói riêng luôn là một trong những hướng cơ bản, đồng thời cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của khoa học luật hình sự. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng, được thể hiện trên ba bình diện chủ yếu dưới đây:

a- Về mặt lập pháp, bên cạnh các quy định hiện hành như Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, thì các quy định về việc định tội danh nói chung và định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu nói riêng vẫn còn rời rạc, nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999", Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/03/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của các điều 139, 193, 194, 278, 279, và 289 Bộ luật hình sự năm 1999... dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ trong việc giải thích pháp luật.

b- Về mặt thực tiễn, chính xuất phát từ thực tiễn định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn cả nước nói chung và ở Tòa án nhân dân tỉnh

Bình Định nói riêng đã cho thấy sự yếu kém của một bộ phận cán bộ, công chức trong việc nhận thức cũng như áp dụng đúng đắn các quy định của pháp luật hình sự, dẫn đến hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm chưa cao, đôi khi còn bỏ lọt tội phạm, gây thiệt hại cho các quyền và tự do của công dân, làm giảm hiệu quả của cuộc đấu tranh chống tội phạm.

c- Về mặt lý luận, vấn đề định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tuy đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu khác nhau nhưng hiện chưa có một nghiên cứu nào đề cập đến việc định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Vì vậy:

- Thông qua việc nghiên cứu đề tài nhằm làm rõ những khía cạnh pháp lý về định tội danh nói chung và định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Bình Định nói riêng góp phần xây dựng, hoàn thiện lý thuyết định tội danh trong khoa học pháp lý hình sự

- Là tài liệu tham khảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng đặc biệt là Tòa án trong việc định tội danh giải quyết vụ án hình sự được đúng đắn

- Là cơ sở để đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự liên quan đến định tội danh nói chung và định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu nói riêng tại Tòa án tỉnh Bình Định.

7. Những điểm mới của luận văn

Đề tài phân tích dựa trên những bản án, quyết định, báo cáo công tác ngành Tòa án tại tỉnh Bình Định - đó là những số liệu thực tế góp phần làm rõ hơn về thực trạng về định tội danh trên địa bàn tỉnh.

Đề tài nghiên cứu về các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt một cách tương đối toàn diện trên khía cạnh pháp luật hình sự. Từ đó chỉ ra những nguyên nhân tồn tại và đưa ra những giải pháp tương ứng để nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tại tỉnh Bình Định.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Chương 2: Thực trạng định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tại tỉnh Bình Định

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tại tỉnh Bình Định.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI NHÓM TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT

1.1. Một số vấn đề chung về định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

1.1.1. Khái niệm định tội danh

Định tội danh là hoạt động quan trọng của các cơ quan tiến hành tố tụng và một số cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Đã có rất nhiều quan điểm khác nhau xung quanh khái niệm định tội danh, tuy nhiên ở từng quan điểm chưa bao gồm hết các nội dung và đôi chỗ chưa phản ánh được bản chất của định tội danh. Xuất phát từ bản chất của hoạt động định tội danh, chúng tôi xin đưa ra quan điểm định tội sau: *Định tội danh là một khâu quan trọng trong quá trình áp dụng quy phạm pháp luật hình sự, là một trong những dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, cũng như pháp luật tố tụng hình sự và được tiến hành bằng cách trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án hình sự để đối chiếu, so sánh và kiểm tra nhằm xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể tương ứng do luật hình sự quy định.*

1.1.2. Các đặc điểm cơ bản của việc định tội danh

- a- Định tội danh là một quá trình nhận thức lý luận có tính logic.
- b- Định tội danh là một hình thức hoạt động thực tiễn pháp lý của các cơ quan tư pháp hình sự.
- c- Định tội danh được tiến hành trên cơ sở áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự.
- d- Định tội danh cơ bản được tiến hành theo một trình tự nhất định.

1.1.3. Cơ sở pháp lý của hoạt động định tội danh

a- Quy định của Bộ luật hình sự

Bộ luật hình sự được xem là cơ sở pháp lý duy nhất cho toàn bộ quá trình xác định các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội. Dựa vào mô hình pháp lý là cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự, người định tội danh xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của những hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể tương ứng được thực hiện trong thực tế khách quan.

Cấu thành tội phạm là tổng hợp các dấu hiệu pháp lý do luật hình sự quy định thể hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể là tội phạm, được hợp thành 4 yếu tố: 1- Khách thể của tội phạm; 2- Mặt khách quan của tội phạm; Chủ thể của tội phạm; Mặt chủ quan của tội phạm.

b- Quy định của Luật tố tụng hình sự

Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục các giai đoạn tố tụng, như vậy mọi hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về thẩm quyền xét xử (định tội danh)

Trong tố tụng hình sự, thẩm quyền xét xử (định tội danh) là một chế định quan trọng. Theo đó, Tòa án sẽ ra một trong bốn quyết định sau: Chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Thông qua việc xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, cùng với quá trình điều tra trực tiếp tại phiên tòa, Tòa án sẽ kiểm tra lại và đánh giá một cách toàn diện, khách quan và đầy đủ các chứng cứ, các tình tiết của vụ án hình sự để xem xét về tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo hoặc bằng việc kiểm tra tính hợp pháp của bản án theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm nhằm đạt được mục đích trong toàn bộ các giai đoạn tố tụng hình sự là tuyên một bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục định tội danh

Trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, Tòa án có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự tiến hành: 1- Áp dụng các biện pháp chuẩn bị cho việc xét xử; 2- Đưa vụ án hình sự ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm để xem xét về thực chất vụ án, đồng thời trên cơ sở kết quả tranh tụng công khai và dân chủ của hai bên (bộ phận tố tụng và bào chữa) phán xét về tính chất tội phạm của hành vi, có tội (hay không) của bị cáo, hoặc xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm nếu bản án

hay quyết định sơ thẩm đã được tuyên chưa có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng cáo, kháng nghị hoặc kiểm tra tính hợp pháp và có căn cứ của bản án hay quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm nếu bản án hay quyết định đó bị kháng nghị. Và cuối cùng, tuyên bản án (quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật nhằm giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự một cách công minh và đúng pháp luật, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục.

1.2. Đặc điểm các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

1.2.2. Các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

a- Khách thể của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Đối với các tội xâm phạm sở hữu, khách thể là quan hệ sở hữu về tài sản. Như vậy, chỉ cấu thành các tội xâm phạm sở hữu khi có hành vi đã hoặc sẽ gây ra thiệt hại cho quan hệ sở hữu về tài sản thuộc các hình thức sở hữu theo quy định tại Điều 15 Hiến pháp 1992.

Đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu là tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản (Điều 163 Bộ luật dân sự) nhưng ở một số tội phạm, ngoài tài sản còn có đối tượng tác động là con người, như tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản... Đối tượng (con người) này phải có quan hệ với tài sản và bị tác động đồng thời với tài sản mới là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu. Nếu bị gây thiệt hại một cách độc lập sẽ cấu thành tội phạm ở chương khác của Bộ luật hình sự.

Trong số tài sản nêu trên, một số tài sản đặc biệt không phải là đối tượng của tội xâm phạm sở hữu như: phương tiện giao thông vận tải, thông tin liên lạc, vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, tài nguyên thiên nhiên...

b- Mặt khách quan của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Mặt khách quan của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt đặc trưng ở dấu hiệu hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả tác hại.

Hành vi chiếm đoạt bắt đầu và kết thúc tùy thuộc vào tính chất tài sản và thủ đoạn chiếm đoạt. Nếu trong quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt, nếu người phạm tội thay đổi từ hình thức chiếm đoạt này sang hình thức chiếm đoạt khác để có được tài sản thì xuất hiện khả năng chuyển hóa hình thức chiếm đoạt từ tội này sang tội khác.

Hậu quả: Hậu quả của các tội xâm phạm sở hữu gây ra chủ yếu là thiệt hại về tài sản.

Tuy vậy, dấu hiệu hậu quả không phải là yếu tố bắt buộc ở đa số các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt có cấu thành hình thức, chẳng hạn như các tội quy định tại các Điều 133- Tội cướp tài sản, Điều 134- Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, Điều 135- Tội cưỡng đoạt tài sản.

c- Chủ thể của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Ở các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, người từ đủ 16 tuổi trở lên là chủ thể của tất cả các tội xâm phạm sở hữu quy định từ Điều 133 đến Điều 140 Bộ luật hình sự. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ là chủ thể của các tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Điều 133; khoản 2, 3 và 4 của các điều 134, 135, 136; khoản 3 và 4 các điều 137, 138, 139, 140.

Ngoài ra, tại các Điều 139, 140 Bộ luật hình sự, dấu hiệu chủ thể đặc biệt được phản ánh trong cấu thành tăng nặng trách nhiệm hình sự, cụ thể ở điểm d, khoản 2 Điều 139- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo, chiếm đoạt tài sản; điểm b khoản 2 Điều 140- Lợi dụng chức vụ quyền hạn để lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

d- Mặt chủ quan của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Lỗi, động cơ, mục đích là những dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm.

Ở các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, các hành vi phạm tội luôn luôn được thực hiện với hình thức lỗi cố ý trực tiếp.

Động cơ luôn luôn xuất hiện, kích thích người phạm tội thực hiện tội phạm.

Ở các tội quy định tại các Điều 133- Tội cướp tài sản, Điều 134- Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, Điều 135- Tội cưỡng đoạt tài sản thì mục đích là yếu tố bắt buộc.

1.2.3. Các trường hợp phạm tội đặc biệt trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

a- Trách nhiệm hình sự của những người phạm tội chưa đạt trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Trách nhiệm hình sự của người phạm tội chưa đạt sẽ được xem xét theo hai loại: phạm tội chưa đạt đã hoàn thành và phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành.

Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì hành vi phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành ít nguy hiểm hơn phạm tội chưa đạt đã hoàn thành nhưng trong cả hai trường hợp, do người phạm tội đã mong muốn cho hậu quả của tội phạm xảy ra và đã thực hiện hành vi để cố ý đạt được hậu quả đó thì vẫn phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Do đó, người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.

b- Trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

Về khách quan, phải có sự tham gia của hai người trở lên cùng thực hiện một tội phạm. Hành vi của mỗi người được thực hiện trong sự liên kết, hỗ trợ, bổ sung cho nhau nhằm thực hiện một tội phạm nhất định và để đạt được hậu quả thống nhất. Ở các tội xâm phạm sở hữu, người thực hành là người trực tiếp thực hiện các dấu hiệu được quy định trong cấu thành tội phạm, khi xác định tội danh ta không cần phải viện dẫn Điều 20 Bộ luật hình sự. Hành vi của những người đồng phạm khác (người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức) phải căn cứ vào hành vi của người thực hành, vì hành vi của họ chỉ có thể xâm hại đến sở hữu thông qua hành vi của người thực hành. Vì thế, khi xác định trách nhiệm hình sự, ngoài các điều luật tương ứng với hành vi của người thực hành còn phải viện dẫn Điều 20 Bộ luật hình sự.

Về chủ quan, trong các tội xâm phạm sở hữu, đa số các tội phạm là cố ý, đều có thể xuất hiện đồng phạm. Đặc biệt, đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt như: cướp, cướp giật, trộm cắp tài sản, lừa đảo... thường được thực hiện bởi hình thức đồng phạm.

Đối với các tội xâm phạm sở hữu, mục đích và động cơ có ý nghĩa xác định mức độ của đồng phạm.

Trong đồng phạm, tất cả những người đồng phạm đều bị truy tố, xét xử về cùng một tội danh, theo cùng một điều luật và trong phạm vi chế tài điều luật ấy quy định.

Tuy nhiên, những người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá của người đồng phạm khác.

Trường hợp có sự tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội của một số người đồng phạm thì vẫn xác định mức độ trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm còn

lại như trường hợp bình thường. Nếu hành vi của người tự ý chấm dứt việc phạm tội đủ yếu tố cấu thành tội độc lập thì tiến hành định tội danh đối với hành vi này.

c- Trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm nhiều tội trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Khi một người thực hiện nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội có tính chất khác nhau thì người định tội danh buộc phải tiến hành việc xác định xem người đó phạm nhiều tội hay một tội.

Thông thường, một hành vi phạm tội cấu thành một tội phạm cụ thể, nhưng cũng có khi một hành vi phạm tội thỏa mãn dấu hiệu của nhiều cấu thành tội phạm. Chẳng hạn, trường hợp thứ nhất là một hành vi phạm tội đã thỏa mãn và thu hút hết những tình tiết khách quan và chủ quan có ý nghĩa về mặt pháp lý hình sự vào một cấu trúc tội phạm, ví dụ, B lén lút vào nhà K lấy trộm tài sản, khi bị mọi người phát hiện nên B đã hành hung để tẩu thoát. Ở đây, B đã thực hiện hai hành vi: chiếm đoạt tài sản và hành hung để tẩu thoát. Nhưng cả hai hành vi này đều thỏa mãn và thu hút hết những tình tiết khách quan và chủ quan vào cấu thành tội trộm cắp với tình tiết tăng nặng là hành hung để tẩu thoát (điểm đ khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự).

Trường hợp thứ hai là một hành vi phạm tội vừa thỏa mãn một cấu thành tội phạm cụ thể lại vừa thỏa mãn cấu thành của hành vi đồng phạm một tội phạm cụ thể khác. Ví dụ, một nhân viên H đã nhận hối lộ để người khác vào trong kho lấy trộm tài sản. Như vậy, hành vi phạm tội vừa thỏa mãn dấu hiệu của cấu thành tội nhận hối lộ (Điều 279) lại vừa thỏa mãn dấu hiệu của hành vi đồng phạm tội trộm cắp tài sản (Điều 138). Cũng có trường hợp một hành vi phạm tội đồng thời thỏa mãn hai cấu thành của hành vi đồng phạm của hai tội khác. Ví dụ, một người cố ý cho người khác mượn súng mà biết rõ là định để chiếm đoạt tài sản bằng cách tước đoạt tính mạng của chủ tài sản. Ở đây, hành vi phạm tội của người cho mượn súng đồng thời thỏa mãn dấu hiệu của hành vi đồng phạm tội giết người (Điều 93), và hành vi đồng phạm tội cướp tài sản (Điều 133).

Như vậy, ở các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trong trường hợp phạm nhiều tội, hành vi của người phạm tội có thể đồng thời là hành vi phạm tội của một cấu thành tội phạm vừa là hành vi đồng phạm của một tội phạm khác, hoặc có thể đồng thời là hành vi đồng phạm của hai tội khác nhau.

1.3.1. Đặc điểm định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

a- Về mặt khách thể

Trong hoạt động định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, chỉ cấu thành tội phạm khi có hành vi đã hoặc sẽ gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu về tài sản thuộc các hình thức sở hữu toàn dân; sở hữu của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội; sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân; sở hữu của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; sở hữu hỗn hợp; sở hữu chung.

Thông thường khách thể loại và khách thể trực tiếp của tội phạm khác nhau, nhưng ở các tội xâm phạm sở hữu thì quyền sở hữu về tài sản vừa là khách thể loại đồng thời cũng là khách thể trực tiếp của tội phạm. Thông qua đối tượng tác động của tội phạm có thể xác định được khách thể trực tiếp của tội phạm. Nếu đối tượng tác động là tài sản bình thường như tiền, điện thoại, máy vi tính... thì khách thể trực tiếp là quan hệ sở hữu. Nhưng nếu là tài sản có ý nghĩa đặc biệt đối với an ninh, kinh tế, chính trị của đất nước thì khách thể trực tiếp lại là an toàn của các công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia.

b- Về mặt khách quan

Trong mặt khách quan, ở các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, hành vi được thực hiện bằng hành động.

Trong số các hành vi xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, chỉ có các hành vi sau đây được quy định là tội phạm mà không cần các điều kiện khác: hành vi cướp tài sản (Điều 133), hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134), hành vi cưỡng đoạt tài sản (Điều 135), hành vi cướp giật tài sản (Điều 136). Vì đây là những tội phạm có cấu thành hình thức. Còn lại, các hành vi khác xâm phạm sở hữu chỉ bị coi là tội phạm khi có một trong các dấu hiệu sau đây: tài sản bị xâm phạm có giá trị nhất định; gây hậu quả nghiêm trọng; đã bị xử lý kỷ luật hoặc đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm; đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Về thời điểm hoàn thành của tội phạm, thì các tội xâm phạm sở hữu có hai loại thời điểm hoàn thành: Loại thứ nhất, thời điểm hoàn thành của tội phạm là thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Tức tội phạm hoàn thành ngay từ thời điểm hành vi phạm tội được thực hiện mà không cần phụ thuộc vào hậu quả phạm tội đã xảy ra hay chưa, thông thường đó là những tội phạm có cấu thành

hình thức. Loại thứ hai, thời điểm hoàn thành của tội phạm là thời điểm gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

c- Về chủ thể

Người từ đủ 16 tuổi trở lên là chủ thể của tất cả các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi là chủ thể của các tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng được quy định ở Điều 133; khoản 2, 3, 4 của các điều 134, 135, 136; khoản 3, 4 của các điều 137, 138, 139, 140 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, dấu hiệu chủ thể đặc biệt được phản ánh trong cấu thành tăng nặng trách nhiệm hình sự: điểm d khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 140.

d- Về mặt chủ quan

Đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt được quy định từ Điều 133 đến Điều 140, luôn được thực hiện với hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Hậu quả của tội phạm mà người phạm tội đã thấy trước hoàn toàn phù hợp với mục đích hành động, với sự mong muốn của người đó.

Ở các tội có cấu thành hình thức như tội cướp tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, cưỡng đoạt tài sản, cướp giật tài sản, hậu quả nguy hiểm cho xã hội không phải là dấu hiệu bắt buộc cho nên trong việc định tội danh, việc xác định ý chí đối với hậu quả nguy hiểm cho xã hội không được đặt ra.

Động cơ, mục đích phạm tội cũng có ý nghĩa trong việc định tội danh. Khi hành vi phạm tội được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp thường có mục đích nhất định mà người phạm tội đặt ra mong muốn đạt được thông qua hành vi phạm tội của mình. Đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt đều được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, nhưng chỉ có các tội phạm được quy định tại các điều 133, 134, 135, 136 Bộ luật hình sự mới đòi hỏi dấu hiệu mục đích là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm.

1.3.2. Yêu cầu của việc định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

a- Định tội danh căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự (phần chung)

Phần chung bao gồm các quy phạm quy định những vấn đề chung mang tính nguyên tắc, quan trọng nhất thuộc hai chế định cơ bản của Luật hình sự- tội phạm và hình phạt. Các quy phạm pháp luật hình sự được quy định tại Phần chung như về lỗi, các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự...giúp người định tội danh nhận biết được một cách nhanh chóng và

chính xác các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể của tội phạm tương ứng và cấu thành tội phạm bao gồm mô hình pháp lý về tội phạm cụ thể và những nội dung khác của Bộ luật hình sự quy định về tội phạm và các vấn đề có liên quan.

Tuy nhiên việc xác định một hành vi là nguy hiểm cho xã hội là tội phạm còn phụ thuộc vào những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm và tính trái pháp luật hình sự của hành vi.

b- Định tội danh căn cứ vào quy định của luật hình sự (phần riêng)

Phần riêng trong Bộ luật hình sự quy định một nhóm tội phạm cụ thể nhất định trong mỗi chương, từ chương XI đến chương XXIV, quy định 14 nhóm tội phạm khác nhau.

Trong quá trình định tội danh, các quy phạm pháp luật hình sự tại phần các tội phạm quy định trách nhiệm hình sự đối với tội phạm tương ứng giúp cho chúng ta xác định sự giống nhau của các dấu hiệu của một hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể được thực hiện có phù hợp với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể do điều luật quy định tương ứng hay không. Như vậy, điều quan trọng trong quá trình định tội danh là phải tìm được những dấu hiệu cơ bản, điển hình và quan trọng nhất phải có những dấu hiệu cần và đủ để xác định thực chất của hành vi xảy ra trên thực tế.

c- Căn cứ vào các tình tiết có ý nghĩa định tội

Tình tiết định tội là những tình tiết thuộc một trong bốn yếu tố cấu thành tội phạm, nếu không có nó thì hành vi không cấu thành tội phạm. Ở các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, các tình tiết được xem là tình tiết định tội như: tình tiết "đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt" quy định tại khoản 1 của các điều 137, 138, 139, 140 Bộ luật hình sự; "đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản" quy định tại các điều 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140 Bộ luật hình sự; "sử dụng thủ đoạn nguy hiểm khác" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133, điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự hoặc "dùng thủ đoạn nguy hiểm" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136; "hành hung để tẩu thoát" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136, điểm a khoản 2 Điều 137, điểm d khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

d- Định tội danh căn cứ vào quy định của pháp luật khác

Trong định tội danh, để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, căn cứ chủ yếu là Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, các văn bản quy phạm pháp luật khác như:

- Các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự gồm: Nghị quyết của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự; Nghị quyết của hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân

dân tối cao hướng dẫn thi hành các qui định của Bộ luật hình sự; Thông tư liên tịch giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với nhau hoặc với các cơ quan hữu quan khác.

Trong định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu, ngoài việc áp dụng Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, việc định tội danh còn căn cứ vào các văn bản pháp luật khác nhau như Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999", Nghị quyết 01/2001/NQ- HĐTP ngày 15/03/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của các điều 139, 193, 194, 278, 279, và 289 Bộ luật hình sự năm 1999...

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

Loại văn bản này khá nhiều và mang tính chuyên ngành, nhưng chỉ có một số quy định trong văn bản đó lại được áp dụng để làm cơ sở xác định tội danh như: Luật phòng chống tham nhũng, Luật giao thông đường bộ, Luật phòng chống ma túy, Pháp lệnh phòng chống mại dâm, Luật an ninh quốc gia...

Chương 2

THỰC TRẠNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TẠI BÌNH ĐỊNH

2.1. Thực tiễn định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu tại Bình Định

a- Số vụ án xét xử sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu đã giải quyết của Tòa án các cấp (số liệu thống kê từ năm 2006 đến năm 2010)

1109 vụ với 1995 bị cáo là số liệu thống kê từ năm 2006 đến cuối năm 2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Như vậy, trung bình mỗi năm các cấp Tòa án tỉnh Bình Định đã xét xử 221,8 vụ với 399 bị cáo về các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt.

Bảng 2.1: Bảng thống kê số liệu về số vụ án và số bị cáo xét xử sơ thẩm về tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Năm	Số vụ án xét xử sơ thẩm	Số bị cáo
2006	182	303
2007	183	328
2008	280	554
2009	281	459
2010	183	351
Tổng số	1109	1995
Bình quân	221,8	399

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Nhìn vào số liệu trên ta nhận thấy tỷ lệ số vụ án và số bị cáo tăng lên trong hai năm 2008 và 2009 nhưng lại giảm xuống ở năm 2010. Tương đương với số vụ án được xét xử là số vụ đã được Tòa án xác định tội danh.

Về cơ cấu của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt.

Bảng 2.2: Bảng thống kê số liệu về cơ cấu của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Năm	Loại tội							
	Cướp	Bắt cóc chiếm đoạt tài sản	Cưỡng đoạt tài sản	Cướp giết	Công nhiên chiếm đoạt tài sản	Trộm cắp	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
2006	5	0	0	20	0	137	5	15
2007	3	1	0	25	1	140	9	4
2008	2	0	0	49	0	202	3	24
2009	4	0	0	25	0	210	5	37
2010	2	0	0	30	0	134	3	14
Tổng số	16	1	0	149	1	823	25	94
Bình quân	3,2	0,2	0	29,8	0,2	164,6	5	18,8

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Từ bảng số liệu trên ta thấy, số vụ án được định tội danh là trộm cắp chiếm tỷ lệ lớn, 823 vụ trong năm năm- bình quân mỗi năm Tòa án xét xử và định tội danh là 164,6 vụ trộm cắp; tội cướp giết tài sản là 149 vụ trong năm năm- bình quân là 29,8 vụ/năm; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là 94 vụ- bình quân 18,8 vụ/năm; lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 25 vụ- bình quân 5 vụ/năm; tội cướp tài sản là 16 vụ- bình quân 3,2 vụ/năm; các tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và công nhiên chiếm đoạt tài sản chiếm tỷ lệ thấp nhất trong cơ cấu các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt và không đáng kể với chỉ 1 vụ trong năm năm- bình quân 0,2 vụ/năm.

2.2. Tỷ lệ vụ án được xét xử phúc thẩm

Từ năm 2006 đến năm 2010, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tiến hành xét xử và hủy 22 vụ, sửa 16 vụ án do Tòa án các huyện xét xử sơ thẩm- bình quân mỗi năm có 4,4 vụ bị hủy và 3,2 vụ bị sửa án nghiêm trọng. Đặc biệt, năm 2009 là năm có số vụ án bị hủy và sửa nhiều nhất với 8 vụ hủy và 12 vụ sửa.

Số vụ án Tòa án nhân dân tối cao tiến hành xét xử và hủy án của Tòa án nhân dân tỉnh là 6 vụ, số vụ án bị cải sửa là 6 vụ- bình quân mỗi năm có 1,2 vụ án bị hủy và cải sửa nghiêm trọng.

Bảng 2.3: Bảng số liệu thống kê về số vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt xét xử phúc thẩm

Năm	Số vụ án phúc thẩm			
	Tòa án nhân dân tối cao phúc thẩm		Tòa án nhân dân tỉnh phúc thẩm	
	Hủy	Sửa	Hủy	Sửa
2006	1/2	4	5	4
2007	2	0	4	0
2008	1	0	4	0
2009	2	2	8	12
2010	1/2	0	1	0
Tổng số	6	6	22	16
Bình quân	1,2	1,2	4,4	3,2

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Trong đó, tổng số vụ án bị hủy, sửa do xác định sai tội danh từ năm 2006 đến năm 2010 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định là 7 vụ, chiếm tỷ lệ 25% so với tổng số vụ án bị hủy, sửa trong quá trình xét xử phúc thẩm; Tổng số vụ án bị hủy, sửa do năng lực của cán bộ còn hạn chế là 6 vụ, chiếm tỷ lệ 21,4%; Do quy định của pháp luật chưa rõ là 2 vụ, chiếm 7,14%; Xác định sai đối tượng bị tác động là 2 vụ, chiếm tỷ lệ 7,14%.

Bảng 2.4: Bảng số liệu thống kê về các trường hợp số vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt xác định tội danh sai

Năm	Xác định sai tội danh		Năng lực cán bộ hạn chế		Quy định pháp luật chưa rõ		Xác định sai đối tượng tác động	
	Số vụ	Tỷ lệ	Số vụ	Tỷ lệ	Số vụ	Tỷ lệ	Số vụ	Tỷ lệ
2006	2	7,14%	2	7,14%	1	3,57%	0	0
2007	1	3,57%	1	3,57%	0	0	0	0
2008	0	0	0	0	0	0	1	3,57%
2009	2	7,14%	2	7,14%	1	3,57%	0	0
2010	0	0	1	3,57%	0	0	1	3,57%
Tổng số	7	25%	6	21,4%	2	7,14%	2	7,14%

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Từ bảng số liệu trên, ta thấy số vụ án xác định sai tội danh chiếm tỷ lệ cao (25%) trong tổng số các nguyên nhân dẫn đến việc hủy, sửa bản án. Số vụ án bị hủy, sửa do quy định của pháp luật chưa rõ và do xác định sai đối tượng bị tác động chiếm tỷ lệ như nhau (7,14%). Xem xét tình hình thực tiễn nêu trên, cần sớm có những giải pháp kịp thời để khắc phục hạn chế, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, nâng cao chất lượng định tội danh.

2.3. Tỷ lệ giám đốc thẩm, tái thẩm

Trong năm năm, có 22 vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt xét theo thủ tục giám đốc thẩm, như vậy, bình quân mỗi năm có 4,4 vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Trong đó, không có vụ án nào bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm.

Bảng 2.5: Bảng số liệu thống kê về số vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt xét xử giám đốc thẩm

Năm	Giám đốc thẩm	Tái thẩm
2006	7	0
2007	4	0
2008	4	0
2009	5	0
2010	2	0
Tổng số	22	0
Bình quân	4,4	0

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Thực tế công tác xét xử cho thấy số vụ án bị hủy và cải sửa ở cấp phúc thẩm là không nhiều và chiếm tỷ lệ không đáng kể ở ba năm 2006, 2007 và 2008. Nhưng ở năm 2009, con số này lại tăng lên với 8 vụ bị hủy, 12 vụ bị cải sửa đối với số vụ án do Tòa án nhân dân các huyện xét xử và 2 vụ hủy, 2 vụ sửa đổi với các vụ án do Tòa án cấp tỉnh xét xử. Tuy nhiên, ở năm 2010, tỷ lệ vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt bị hủy và cải sửa đã giảm xuống ở mức thấp với số án bị hủy do Tòa án các huyện xét xử là 1 vụ và số án bị hủy do Tòa án tỉnh xét xử là 1/2 vụ.

Tỷ lệ vụ án bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm cũng giảm xuống: 4 vụ ở hai năm 2007 và 2008; năm 2009 là 5 vụ và năm 2010 chỉ còn lại 2 vụ.

Đặc biệt, không có vụ án nào bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm.

Thực tiễn xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt cho thấy sai sót về định tội danh ở đây phổ biến ở những trường hợp như: Xác định sai tội danh; do nhận định sai về đối tượng tác động của tội phạm; do quy định của pháp luật chưa rõ; do năng lực của cán bộ còn hạn chế.

2.4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a- Những tồn tại, hạn chế

+ Quy định của pháp luật hiện hành chưa thực sự đồng bộ và rõ ràng, nhất là đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

+ Số lượng các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh ngày càng nhiều với tính chất phức tạp và thủ đoạn ngày càng tinh vi.

+ Xét xử sơ thẩm hình sự chưa xem xét đầy đủ tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; chưa đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

+ Chất lượng giải quyết, xét xử các vụ án hình sự của một số ít Tòa án cấp huyện chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình hiện nay.

+ Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đề ra.

+ Việc áp dụng pháp luật và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu.

+ Công tác tuyển dụng cán bộ còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu của biên chế và của công việc. Việc xử lý cán bộ vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật chưa kịp thời.

b- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

+ Hệ thống pháp luật nước ta chưa thật sự đồng bộ, chưa hoàn thiện và thiếu thống nhất, một số dấu hiệu của một số tội trong Bộ luật hình sự hiện hành được quy định chưa thật sự rõ ràng. Do vậy, các cơ quan áp dụng pháp luật thường phải căn cứ vào những Thông tư liên ngành giữa Bộ công an, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp, các chỉ thị, hướng dẫn, tổng kết của ngành Tòa án để xác định tội danh. Cụ thể, trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt của Bộ luật hình sự năm 1999 có 4 điều luật quy định theo cách chỉ nêu tên tội phạm mà không mô tả về hành vi: Điều 134 - tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Điều 136 - tội cướp giật tài sản; Điều 137 - tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; Điều 138 - tội trộm cắp tài sản.

Trong một số điều luật của chương các tội xâm phạm sở hữu có quy định về tình tiết định khung: "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" nhưng việc hướng dẫn, giải thích không đầy đủ hoặc chưa thống nhất.

Đồng thời, trong các vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, thì hành vi của bị can, bị cáo không thể hiện yếu tố cấu thành tội phạm một cách đặc trưng, rõ ràng, rất khó chứng minh, như tại điểm a khoản 1 Điều 140 về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định mô tả dấu hiệu: "Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng các thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó" bị coi là tội phạm; điểm b khoản 1 Điều luật này quy định mô tả: "Vay, mượn, thuê tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp

dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản" bị coi là tội phạm. Thực tế cho thấy rất khó chứng minh dấu hiệu được mô tả như quy định trong các khoản này của Điều luật.

+ Chế độ chính sách đối với cán bộ ngành Tòa án nhân dân còn nhiều khó khăn, chưa giúp cho ngành Tòa án có thể tuyển dụng cán bộ có trình độ, năng lực vào công tác trong ngành, đặc biệt là những nơi vùng sâu, vùng xa thiếu nguồn tuyển dụng cán bộ, thời gian gần đây cũng đã xuất hiện một số trường hợp cán bộ Tòa án xin nghỉ việc hoặc chuyển công tác vì thu nhập quá thấp và áp lực công việc quá nặng nề.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Về năng lực chuyên môn của người định tội danh: Có Thẩm phán chưa vững vàng về bản lĩnh chính trị, nghề nghiệp. Trình độ năng lực của một bộ phận Hội thẩm Tòa án chưa theo kịp yêu cầu ngày càng cao của công tác xét xử, Tòa án các cấp chưa chú trọng đầy đủ đến việc tăng cường bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng công tác xét xử.

+ Về đạo đức nghề nghiệp của người định tội danh: Thực tế trong quá trình định tội danh, một số Thẩm phán còn thiếu sự cẩn trọng cần thiết, làm việc qua loa, đại khái dẫn đến bỏ sót một số tình tiết quan trọng có ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, thái độ làm việc thiếu khách quan.

Công tác tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực tiễn giải quyết, xét xử còn hạn chế; Việc quản lý cán bộ ở một số đơn vị chưa chặt chẽ, có lúc có nơi chưa chú trọng việc giáo dục chính trị tư tưởng và động viên cán bộ.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI NHÓM TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

3.1. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại Bình Định

Trong những năm qua, cùng với sự lớn mạnh của kinh tế thị trường, tình hình tội phạm cũng diễn ra hết sức phức tạp, đặc biệt là đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt. Hoạt động định tội danh đối với nhóm tội này tại tỉnh Bình Định đã có những đóng góp quan trọng trong việc giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, vì các quy phạm pháp luật được ghi nhận trong luật thực định còn tồn tại dưới dạng những văn bản rời rạc, thiếu thống

nhất trong khi thực tế những vụ án xâm phạm sở hữu lại diễn ra với những tình tiết hết sức đa dạng và phức tạp. Bởi vậy mà việc định tội danh đối với nhóm tội này hiện nay tại tỉnh Bình Định còn gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, yêu cầu đặt ra là cần phải nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh đối với nhóm tội này. Điều này còn xuất phát từ những lý do sau:

Thứ nhất, về cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả của hoạt động tư pháp

Thứ hai, yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm sở hữu tại tỉnh Bình Định

Thứ ba, yêu cầu khắc phục những yếu kém của việc định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Bình Định.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Bình Định

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu

- Cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về các tội xâm phạm sở hữu nói chung và các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt nói riêng.

- Tăng cường vai trò của Tòa án nhân dân tối cao cùng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác trong việc hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật hình sự. Nhất là việc cụ thể hóa những quy định của Bộ luật hình sự hiện hành và các văn bản pháp lý khác có liên quan. Việc hướng dẫn phải thống nhất, rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu và tránh chồng chéo.

3.2.2. Nhóm giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ

Xây dựng các yêu cầu chung đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp

Tăng cường hơn nữa trách nhiệm và sự quan tâm của Nhà nước và xã hội đối với những người làm công tác đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

Nâng cao phẩm chất nghề nghiệp, năng lực công tác và trình độ chuyên môn của Thẩm phán

Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức chỉ đạo, điều hành và thủ tục hành chính- tư pháp trong các Tòa án theo hướng nhanh, gọn, hiệu quả và thuận lợi cho công dân; cải tiến phương pháp và lề lối làm việc, đề cao chế độ trách nhiệm của đội ngũ cán bộ

Kiên toàn về tổ chức, tăng cường hơn nữa công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án trong sạch, vững mạnh; đảm bảo về số lượng; đảm bảo

phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhất là đối với Thẩm phán.

Tăng cường việc đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, Thẩm phán và Hội thẩm.

Làm tốt hơn nữa công tác tổng kết thực tiễn xét xử và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong công tác xét xử.

3.2.3. Nhóm giải pháp về tổ chức cán bộ

Tăng cường công tác xây dựng ngành, đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án trong sạch, vững mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật, có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; từng bước đảm bảo đủ về số lượng cán bộ, đặc biệt là những địa phương ở vùng sâu, vùng xa như ở các huyện An Lão, Văn Canh, Vĩnh Thạnh.

Quy định cụ thể, hợp lý hơn về tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán khi đánh giá, kiểm điểm, xem xét bổ nhiệm lại Thẩm phán; thực hiện tốt công tác quy hoạch và luân chuyển, biệt phái, điều động cán bộ, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ Tòa án và Hội thẩm Tòa án nhân dân.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng địa phương trong công tác quản lý cán bộ; khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác; xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp có vi phạm.

Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn ngành Tòa án nhân dân. Triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc "Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức ngành Tòa án nhân dân"; Tăng cường kỷ luật công vụ, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với việc đề cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị mình có hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

3.2.4. Nhóm các giải pháp khác

Khẩn trương tuyển dụng và tuyển chọn đủ biên chế cán bộ, Thẩm phán Tòa án các cấp

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương, chế độ phụ cấp và ban hành các chính sách ưu đãi khác đối với Thẩm phán và cán bộ, công chức Tòa án cho phù hợp với đặc thù công tác của ngành, có cơ chế thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao vào công tác.

Đảm bảo sự phối hợp trong hoạt động của hệ thống Tòa án và các cơ quan bảo vệ pháp luật nhằm mục đích tăng cường hiệu quả của hoạt động định tội danh.

KẾT LUẬN

1. Xâm phạm sở hữu là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định tại chương XIV Bộ luật hình sự, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm hại đến quyền sở hữu của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu là một quá trình nhận thức lý luận có tính logic, đồng thời là một trong những dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, được tiến hành bằng cách trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án để đối chiếu, so sánh và kiểm tra nhằm xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của những hành vi xâm phạm sở hữu đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm xâm phạm sở hữu tương ứng do luật hình sự quy định.

2. Thực tiễn định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu trong thời gian qua cho thấy công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án luôn được các cấp Tòa án chú trọng. Thực tế là số vụ án bị hủy, bị cải sửa theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm là không nhiều và có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Đặc biệt, không có vụ án nào bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm. Điều này cho thấy sự nỗ lực rất lớn từ phía các cơ quan tố tụng ở tỉnh nhà trong việc khắc phục những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, đề ra những đường lối xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử.

3. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Trong các vụ án này, hành vi của bị can, bị cáo không thể hiện yếu tố cấu thành tội phạm một cách đặc trưng, rõ ràng, nhiều trường hợp các dấu hiệu thực tế của cấu thành tội phạm có những dấu hiệu giống nhau nên dẫn đến xung đột quan điểm xung quanh vấn đề định tội danh đối với loại tội phạm này. Như vậy, xét về phương diện lý luận lẫn thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đặt ra vấn đề cấp thiết là cần phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống pháp luật về hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt nói riêng, đồng thời đề ra các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh.

4. Khép lại luận văn, xin cho tôi được gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến thầy giáo, Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Chí cùng các thầy cô giáo của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tận tình giúp đỡ giúp tôi hoàn thành luận văn này. Đề đề tài được hoàn thiện hơn, tôi mong nhận được sự đóng góp cùng những trao đổi, thảo luận nghiêm túc của quý thầy cô giáo cùng anh, chị học viên chuyên ngành Luật hình sự. Xin trân trọng cảm ơn và kính chúc sức khỏe quý thầy cô và anh, chị học viên.